

# LỰA CHỌN CHỈ TIÊU KINH TẾ ĐỂ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

Nguyễn Thị Mơ<sup>1\*</sup>, Lu Shi Chang<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

<sup>2</sup>Trường Đại học Kỹ thuật Công trình Liêu Ninh

\*Email: nguyenmocnqn@gmail.com

## TÓM TẮT

Trước làn sóng toàn cầu hóa đã tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt Việt Nam đang trong thời kỳ dân số vàng nên thị trường lao động càng phải được quan tâm, đánh giá để có đối sách phù hợp. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, qua phần mềm hỗ trợ xử lý số liệu Stata, bài báo đề xuất hai chỉ tiêu đánh giá thị trường lao động là mức độ đô thị hóa và tỷ lệ lao động chất lượng cao. Hai chỉ tiêu này đảm bảo ý nghĩa thống kê nhỏ hơn 5% và chúng có thể giải thích được 96,19% sự biến thiên của thị trường lao động. Bài báo đề xuất một phương pháp khoa học mới nhằm đánh giá, đo lường chất lượng thị trường lao động. Hai chỉ tiêu đề xuất được xây dựng trên cơ sở khoa học gắn với thực tiễn chứng minh, giúp các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp quan tâm có thể vận dụng để đánh giá chất lượng lao động cho đơn vị, cho doanh nghiệp, cho vùng kinh tế một cách nhanh chóng từ đó đưa ra đối sách kịp thời trong quá trình quản lý.

**Từ khóa:** Đô thị hóa, lao động chất lượng cao, lựa chọn chỉ tiêu, thị trường lao động, toàn cầu hóa.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng tạo ra những thành tựu đột phá cho nền kinh tế thế giới. Xu thế toàn cầu hóa như là cơn lốc đẩy nhanh cuộc cách mạng 4.0 thâm nhập rộng hơn, sâu hơn vào từng khu vực, từng quốc gia, từng doanh nghiệp và từng đơn vị.

Việt Nam chủ động hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới nên cũng chịu tác động từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong quá trình hội nhập, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, trắc trở nhưng với chủ trương, đường lối đúng đắn thì nền kinh tế Việt Nam kỳ vọng trở thành một mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Khi nền kinh tế Việt Nam là một mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu thì người lao động Việt Nam cũng sẽ phải có những thay đổi đáng kể để tận dụng tối đa mặt tích cực đồng thời cũng chủ động phòng ngừa và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực từ xu thế toàn cầu hóa mang lại [1].

## 2. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

### 2.1. Thị trường lao động

Thị trường lao động là thị trường của sức lao động, của các chủ thể tìm việc làm và các chủ thể tạo ra việc làm trong một địa phương hoặc một quốc gia cụ thể. Thị trường lao động bao gồm các hoạt động thuê mướn lao động và cung ứng lao động để thực hiện những công việc nhất định, xác định các điều kiện lao động, tiền công và các phúc lợi phải trả cho người lao động.[2]

Hiện nay, Việt Nam đang trong thời kỳ “dân số vàng” nên lực lượng lao động vô cùng hùng hậu. Nếu cả người lao động, doanh nghiệp và Nhà nước biết tận dụng thì đây sẽ là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, là lợi thế trong quá trình hội nhập vào thị trường quốc tế.

### 2.2. Thị trường lao động Việt Nam hiện nay

Trước bối cảnh nền kinh tế Việt Nam từng bước hội nhập quốc tế thể hiện trong chủ trương “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, bảo vệ môi trường.” Tại Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Theo Ông Nguyễn Xuân Sơn: Dưới tác động của chuyển đổi số, nhiều công việc truyền thống sẽ dần biến mất hoặc bị thay thế, trong khi một số vị trí mới sẽ ra đời. Với tỷ lệ lao động kỹ năng cao chỉ đạt 11,6%, lao động Việt Nam được đánh giá là kém cạnh tranh hơn về trình độ kỹ năng so với một số thị trường khác trong khu vực. [3]

Theo Ngân hàng thế giới ước tính nếu chất lượng lao động tại Việt Nam quá thấp và không thể theo kịp với tốc độ phát triển của chuyển đổi số thì đến năm 2045 khoảng 2 triệu việc làm tại nước ta sẽ mất đi. [3]

Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Việt Nam là một trong những nước chịu tác động lớn từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Những thách thức mà Việt Nam phải trải qua là chất lượng nguồn nhân lực (tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao chỉ chiếm 11% tổng lực lượng lao động); năng suất lao động thấp so với nhiều nước trong khu vực ASEAN; năng lực ngoại ngữ rất hạn chế... [3]

Với những đánh giá trên, thị trường lao động Việt Nam cần phải nâng cao trình độ để thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao khả năng cạnh tranh để trụ vững trên sân nhà đồng thời vươn ra khu vực và thế giới.

### 3. ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

#### 3.1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thị trường lao động

Bài báo sẽ phân tích ba nhân tố ảnh hưởng đến thị trường lao động (Y) gồm giới tính (X1), môi trường (X2) và giáo dục (X3).

- Giới tính (X1). Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” vẫn còn tồn tại thể hiện qua: lao động nữ thường có mức thu nhập thấp hơn nam giới, đồng thời cũng không nắm giữ nhiều công việc như nam giới... dù số giờ làm việc tương đương, dù chênh lệch giới về trình độ học vấn đã được xóa bỏ [4]. Sự bất bình đẳng đối với lao động nữ vẫn đang diễn ra trong phạm vi gia đình và doanh nghiệp.

- Môi trường (X2). Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương và nhất quán xây dựng Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã lộ rõ mối quan hệ qua lại giữa công nghiệp và đô thị. Công nghiệp là cơ sở tạo nên đô thị. Đô thị hóa tác động trở lại thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Tốc độ đô thị hóa nhanh đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa. Giai đoạn 2010-2020 quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh. Tính đến tháng 12 năm 2020 tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc đạt 40,4% với 862 đô thị các loại. [5]

- Giáo dục (X3). Việt Nam đang trong xu thế hội nhập sâu rộng vào thị trường khu vực và thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thâm nhập sẽ nhanh chóng phá vỡ thị trường lao động truyền thống. Tự động hóa sẽ thay thế cho lao động chân tay, robot sẽ thay thế con người trên nhiều lĩnh vực, vậy lao động thiếu kỹ năng, thiếu trình độ sẽ bị mất việc làm. Nên người lao động cần thay đổi tư duy, cần rèn luyện thói quen học tập suốt đời để mất việc này thì học việc mới, không làm việc này thì làm việc khác thậm chí chấp nhận thay đổi cả môi trường làm việc, địa điểm làm việc.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, trên cơ sở số liệu của Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2020 [6], với phần mềm hỗ trợ xử lý số liệu là Stata.

Kết quả phân tích mối quan hệ tương quan ở bảng 1 cho thấy với 21 quan sát của 21 năm thì cả ba nhân tố X1, X2, X3 đều có mối quan hệ tương quan dương với Y và đều có giá trị sig < 5% (đảm bảo ý nghĩa thống kê).

**Bảng 1. Kết quả phân tích tương quan**

	Y	X1	X2	X3
Y	1.0000			
	21			
X1	0.6692	1.0000		
	0.0009	21		
X2	0.8938	0.5479	1.0000	
	0.0000	0.0101	21	
	21	21	21	
X3	0.9687	0.7646	0.8267	1.0000
	0.0000	0.0001	0.0000	21
	21	21	21	21

[Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả]

Để thấy rõ hơn mối quan hệ giữa ba nhân tố X1, X2, X3 với Y, bài báo tiếp tục phân tích qua mô hình hồi quy tuyến tính.

Qua kết quả mô hình hồi quy tuyến tính giữa Y với X1, X2, X3 tại bảng 2 cho thấy:

Prob > F = 0.0000 mô hình có ý nghĩa thống kê

R – squared = 0.9712 cho thấy các yếu tố X1, X2, X3 đạt 97,12% trong yếu tố Y

Adj R-squared = 0.9661 thể hiện rằng các biến X1, X2, X3 trong mô hình đang giải thích được khoảng 96,61% sự biến thiên của biến Y trong mô hình.

Tuy nhiên, xét kết quả của từng biến thì biến X1 (giới tính) có P – value = 0.088 đã lớn hơn 5% nên không đạt ý nghĩa thống kê. Vì vậy, không thể xác định được mối quan hệ giữa Y và X1.

**Bảng 2. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính**

Source	SS	df	MS	Number of obs	=	21
				F(3, 17)	=	191.24
Model	53726.3874	3	17908.7958	Prob > F	=	0.0000
Residual	1591.99472	17	93.646748	R-squared	=	0.9712
				Adj R-squared	=	0.9661
Total	55318.3822	20	2765.91911	Root MSE	=	9.6771

  

Y	Coef.	Std. Err.	t	P> t	Beta
X1	-5.274617	2.913045	-1.81	0.088	-.1188285
X2	2.118119	.6079134	3.48	0.003	.2619579
X3	9.123202	1.05602	8.64	0.000	.8429936
_cons	-265.2082	122.5934	-2.16	0.045	.

[Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả]

Loại biến X1 ra khỏi mô hình hồi quy, xác định lại mô hình hồi quy mới với hai biến X2, X3 ảnh hưởng như thế nào đến biến Y. Kết quả thể hiện trong bảng 3.

Bảng 3 cho kết quả với biến X2, X3 đều đảm bảo ý nghĩa thống kê, đạt 96,57% trong yếu tố Y và giải thích được 96,19% trong mô hình.

**Bảng 3. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính 2 yếu tố**

Source	SS	df	MS	Number of obs	=	21
				F(2, 18)	=	253.17
Model	53419.358	2	26709.679	Prob > F	=	0.0000
Residual	1899.02417	18	105.501343	R-squared	=	0.9657
				Adj R-squared	=	0.9619
Total	55318.3822	20	2765.91911	Root MSE	=	10.271

  

Y	Coef.	Std. Err.	t	P> t	Beta
X2	2.373584	.6276266	3.78	0.001	.2935525
X3	7.857291	.8400508	9.35	0.000	.7260221
_cons	-482.4265	26.80248	-18.00	0.000	.

[Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả]

### 3.2. Lựa chọn chỉ tiêu đánh giá trình độ thị trường lao động

Qua kết quả tính nghiên cứu ở bảng 3 cho thấy hai nhân tố môi trường (X2) và giáo dục (X3) có ảnh hưởng đến thị trường lao động.

Thật vậy, giáo dục được lấy làm căn cứ cốt lõi để doanh nghiệp lựa chọn người lao động. Còn những người lao động trải qua quá trình giáo dục, rèn luyện chuyên sâu sẽ có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, hứa hẹn một mức thu nhập cao. Chính vì vậy, giáo dục không những được Nhà nước chú trọng, quan tâm đầu tư mạnh, doanh nghiệp lấy làm căn cứ để tuyển chọn, mà người lao động còn lấy làm mục tiêu để trình phục.

Vậy, muốn xác định trình độ thị trường lao động của một doanh nghiệp, một vùng, một quốc gia bài báo đề xuất chỉ tiêu “ Tỷ lệ lao động chất lượng cao”. Chỉ tiêu này được xác định theo công thức sau:

$$T_C = \frac{L_C}{LLLD} \times 100 \quad , \quad \% \quad (1)$$

trong đó:

$T_C$ : Tỷ lệ lao động chất lượng cao, %;

$L_C$ : Số lượng lao động chất lượng cao, người;

$LLLD$ : Lực lượng lao động, người.

Lao động chất lượng cao là một bộ phận của lực lượng lao động đang làm việc ở những vị trí lãnh đạo, chuyên môn kỹ thuật bậc cao và chuyên môn kỹ thuật bậc trung tại doanh nghiệp, vùng hay quốc gia mà chúng ta muốn đánh giá trình độ thị trường lao động.

Số lượng lao động chất lượng cao có đặc điểm là thường được đào tạo ở trình độ từ bậc cao đẳng trở lên; có kiến thức và kỹ năng để làm các công việc phức tạp; có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của công nghệ và vận dụng sáng tạo những kiến thức, những kỹ năng đã được đào tạo tại cơ sở đào tạo và trong quá trình lao động sản xuất.

Cùng với chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động chất lượng cao” thì chỉ tiêu “Mức độ đô thị hóa” cũng là một trong số các tác nhân tác động đến trình độ thị trường lao động.

Đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị là xu thế tất yếu của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có nước ta. [7] Đô thị hóa tác động đến tâm lý, lối sống của người dân; làm gia tăng số lượng việc làm và thu nhập cho người lao động; tạo môi trường và điều kiện để người lao động nâng cao chất lượng.

$$M_T = \frac{L_T}{DS} \times 100 \quad , \quad \% \quad (2)$$

trong đó:

$M_T$ : Mức độ đô thị hóa, %;

$L_T$ : Số lượng lao động thành thị, người;

$DS$ : Dân số, người.

Với những tác động to lớn của tiến trình đô thị hóa mang đến cho người dân, cho nền kinh tế thì đô thị hóa thật sự trở thành một tiến trình tất yếu của nền kinh tế mở. Theo Liên Hiệp Quốc, năm 2019 có 4,2 tỷ người chiếm hơn một nửa dân số thế giới hiện đang sống ở các khu vực đô thị và dự kiến đến năm 2041, con số này sẽ tăng lên là 6 tỷ người [8]. Đặc biệt, trong quá trình toàn cầu hóa, mức độ đô thị hóa không chỉ dừng lại ở việc người lao động ở khu vực nông thôn di cư đến khu vực thành thị mà nó còn là sự di cư từ quốc gia này sang quốc gia khác.

### 4. KẾT LUẬN

Lao động là một bộ phận quan trọng của dân số. Lao động vừa là đối tượng tạo ra, vừa là đối tượng hưởng lợi của quá trình phát triển, nên mỗi đơn vị, mỗi doanh nghiệp, mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ đều dành sự quan tâm đặc biệt đến diễn biến trên thị trường lao động.

Việt Nam đang trong thời kỳ dân số vàng, đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Trong quá trình hội nhập từng đơn vị, từng doanh nghiệp, từng vùng kinh tế nói riêng và toàn nền kinh tế Việt Nam nói chung phải thường xuyên đánh giá chất lượng thị trường lao động để biết được thực trạng từ đó đưa ra đối sách kịp thời và đúng hướng. Bổ sung thêm hai chỉ tiêu kinh tế đề xuất của báo cáo sẽ giúp đánh giá chất lượng lao động thêm chính xác hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mơ, N. T., Chang, L. Sh & Dju, Đ. T. (2020). *Một số giải pháp đảm bảo công an việc làm cho người lao động Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa (pp 84-89)*. Tạp chí Công nghiệp Mỏ số 5 – 2020, ISSN 0868-7052.
2. Lan, P. T. T. (2021). *Thị trường lao động trong nền kinh tế thị trường hiện đại, đầy đủ*. <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/821657/thi-truong-lao-dong-trong-nen-kinh-te-thi-truong-hien-dai%2C-day-du.aspx>
3. *Đảng cộng sản Việt Nam*. (2022). *Xu thế thị trường lao động trong kỷ nguyên số*. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/xu-huong-thi-truong-lao-dong-trong-ky-nguyen-so-623914.html>
4. Tổ chức lao động quốc tế. (2021). *Giới và thị trường lao động Việt Nam*. [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms\\_774433.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_774433.pdf)
5. Hải, L. Đ. (2023). *Đô thị Việt Nam – Thực trạng và định hướng chính sách*. <https://moc.gov.vn/tl/tin-tuc/74016/do-thi-viet-nam--thuc-trang-va-dinh-huong-chinh-sach.aspx>
6. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh.
7. Tổng cục Thống kê. (2021). *Tác động của đô thị hóa đến chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam*. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/tac-dong-cua-do-thi-hoa-den-chenh-lech-giau-ngheo-o-viet-nam/>
8. United Nations. (2019). *World urbanization prospects*. New York.

## Thông tin của tác giả:

**NCS. Nguyễn Thị Mơ**

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Kỹ thuật Công trình Liêu Ninh

Điện thoại: +(84).0904351284 - Email: [nguyenmocnqn@gmail.com](mailto:nguyenmocnqn@gmail.com)

**GS. TS. Lu Shi Chang**

Trường Đại học Kỹ thuật Công trình Liêu Ninh

Điện thoại: +(86).13591994391 - Email: [Lushichang@126.com](mailto:Lushichang@126.com)

**CHOOSE ECONOMIC INDICATORS TO ASSESS THE QUALIFICATION OF VIETNAM LABOR MARKET IN THE TREND OF GLOBALIZATION**

## Information about authors:

**Nguyen Thi Mo**, Ph.D. Student Study, Liaoning Technical University

Email: [nguyenmocnqn@gmail.com](mailto:nguyenmocnqn@gmail.com)

**Lu Shi Chang**, Prof. Ph.D., Liaoning Technical University

**ABSTRACT:**

*For the wave of globalization that it has a strong impact on all areas of the economy, especially Vietnam is in the period of golden population, so the labor market must be paid more attention and*

evaluated to have suitable countermeasures. Using the quantitative research method by Stata data processing software, the article proposes are two indicators to evaluate the labor market: the degree of urbanization and the rate of high-quality labor. These two indicators ensure statistical significance less than 5% and they can explain 96,19% of the variation of the labor market. The article proposes a new scientific method to assess and measure the quality of the labor market. These two proposed indicators are built on the basis of science associated with proven practice, helping interested individuals, units and businesses to apply to assess the quality of labor for the unit and for the enterprise, for the economic zone quickly, thereby making timely countermeasures in the management process.

**Keywords:** Globalization, high-quality labor, labor market, selection of indicators, urbanization

## REFERENCES

1. Nguyen, T. M., Lu, Sh. Ch., & Do, T. D. (2020). *The Solutions to ensure jobs for Vietnamese people on globalization trend* (pp 84-89), in Vietnam. Mining Industry Journal, No 5-2020, ISSN 0868-7052..
2. Communist Party of Vietnam. (2022). *Labor market trends in the digital era, in Vietnam.* <https://dangcongsan.vn/kinh-te/xu-huong-thi-truong-lao-dong-trong-ky-nguyen-so-623914.html>
3. Pham, T. T. L. (2021). *The labor market in a modern and complete market economy, in Vietnam.* <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/821657/thi-truong-lao-dong-trong-nen-kinh-te-thi-truong-hien-dai%2C-day-du.aspx>
4. ILO. (2021). *Gender and Vietnam's labor market, in Vietnam.* [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms\\_774433.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_774433.pdf)
5. Luu. D. H. (2023). *Vietnam's urban areas – current status and policy directions, in Vietnam.* <https://moc.gov.vn/tl/tin-tuc/74016/do-thi-viet-nam--thuc-trang-va-dinh-huong-chinh-sach.aspx>
6. Quangninh Statistical Office, in Vietnam.
7. General Statistical Office of Vietnam. (2021). *The impact of urbanization on the gap between rich and poor in Vietnam, in Vietnam.* <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/tac-dong-cua-do-thi-hoa-den-chenh-lech-giau-ngheo-o-viet-nam/>
8. United Nations. (2019). *World urbanization prospects.* New York.

**Ngày nhận bài:** 17/3/2023;

**Ngày gửi phản biện:** 17/3/2023;

**Ngày nhận phản biện:** 15/4/2023;

**Ngày chấp nhận đăng:** 17/4/2023.